

Bản án số: 06/2021/HS-ST
Ngày 10/3/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Anh Việt.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Võ Minh Khôi

+ Ông Lê Khả Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Minh Chinh là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2021/HSST, ngày 29 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HS, ngày 25 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Thị P; tên gọi khác: không, sinh ngày 22 tháng 02 năm 1997, tại: huyện Đ, tỉnh G.

Nơi cư trú: tổ dân phố B, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M (đã chết) và bà Trần Thị N, sinh năm 1959; bị cáo không có chồng; bị cáo có 01 người con sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 11/11/2020 cho đến nay.

Bị cáo mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1983. Có mặt

Trú tại: Tổ dân phố 4, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 45, ngày 21/10/2020, Lê Thị P đi xe buýt từ thành phố Pleiku về đến chợ Đ và đi bộ đến Siêu thị Daily Mark thuộc tổ dân phố 4, thị trấn C, huyện Đ để ngồi chơi, thì P phát hiện có khoảng 04 (bốn) đến 05 (năm) chiếc xe mô tô để ở nhà xe nhưng không có người trông coi, nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. P đi đến và lấy trộm 01 (một) chiếc xe mô tô BKS 81K7-7560, nhãn hiệu Honda, số loại Wave S100, màu xám đen của chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1983, trú tại: tổ dân phố 4, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G rồi dẫn bộ đi đến ngã ba gần quán cà phê Thuỷ Tạ thuộc tổ dân phố 1, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G thì gặp một người đàn ông đang đi thể dục. P nhờ người đàn ông này đầu nối điện và nổ máy xe. P điều khiển xe đến tiệm cầm đồ Quỳnh Anh tại đường Trường Chinh, thị trấn C, huyện Đ để cầm cố nhưng do không có giấy tờ xe nên tiệm cầm đồ không nhận. Vì vậy, P đã điều khiển chiếc xe trên về nhà của mình tại tổ dân phố 7, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G cất giấu. Đến khoảng 17 giờ, ngày 22/10/2020, do sợ hành vi của mình bị phát hiện nên P đã đến Công an thị trấn C, huyện Đ để đầu thú và thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản trên. Cùng ngày Công an thị trấn C, huyện Đ đã chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ để điều tra theo thẩm quyền.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số: 46/KL-HĐ, ngày 02/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Đ, kết luận: 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu honda, số loại Wave S100, màu sơn đen – xám, số khung 087Y01584, số máy 09E8015084, BKS: 81K7-7560, xe được mua mới vào năm 2007 với số tiền 18.200.000đ (mười tám triệu hai trăm nghìn đồng), đã qua sử dụng. Giá trị định giá theo giá thị trường vào thời điểm định giá là 11.830.000đ (mười một triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Thị P và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản.

Tại Bản cáo trạng số: 05/CTr-VKS, ngày 27/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G đã truy tố bị cáo Lê Thị P về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đề nghị:

- **Về tội danh:** Đề nghị tuyên bố: Bị cáo Lê Thị P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

- Về mức hình phạt:

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; các Điều 38, 50; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị P: Từ 12 (mười hai) tháng tù đến 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 24 (hai mươi bốn) tháng đến 30 (ba mươi tháng) kể từ ngày tuyên án.

- Về xử lý vật chứng của vụ án: Đã xử lý trong quá trình điều tra vụ án.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo, vì vậy không xem xét.

Về án phí: Bị cáo Lê Thị P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Ý kiến của bị hại:

Không yêu cầu về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào khoảng 16 giờ 45, ngày 21/10/2020, Lê Thị P đã lén lút trộm cắp 01 (một) chiếc xe mô tô BKS 81K7-7560, nhãn hiệu Honda, số loại Wave S100, màu xám đen của chị Nguyễn Thị M tại siêu thị Daily Mark thuộc tổ dân phố 4, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G với trị giá là: 11.830.000đ (mười một triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng).

Ngày 22/10/2020, Lê Thị P đến Công an thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G đầu thú và giao nộp xe mô tô đã trộm cắp.

[2] Lời khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thị P trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

[3] Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản với giá trị là 11.830.000đ (mười một triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng) của bị cáo Lê Thị P đã phạm vào tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố Lê Thị P về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác đều được xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật. Bị cáo Lê Thị P có sức khỏe nhưng lười nhác lao động, bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng để thoả mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân, bị cáo bất chấp pháp luật thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa P. Vì vậy, xét thấy cần phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú khai nhận hành vi phạm tội, quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho bị cáo là phù hợp.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo P có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, từ trước khi phạm tội bị cáo luôn chấp hành nghiêm pháp luật. Bị cáo phạm tội có tính chất bộc phát, không có sự chuẩn bị từ trước, sau khi trộm cắp xe mô tô nhận thấy hành vi sai trái, bị cáo đã hối hận ra đầu thú, giao nộp tài sản trộm cắp và thành khẩn khai báo. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa P giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[7] Về vật chứng của vụ án:

01 (một) chiếc xe mô tô BKS 81K7-7560, nhãn hiệu Honda, số loại Wave S100, màu xám đen. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp

của chị Nguyễn Thị M. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị M. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo Lê Thị P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố bị cáo Lê Thị P phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị P 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án, ngày 10/3/2021.

Giao bị cáo Lê Thị P cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về án phí:

Buộc bị cáo Lê Thị P phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10/3/2021) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Bị cáo;
- Những người TGTG khác;
- TAND tỉnh G;
- THADS;
- Lưu hồ sơ/VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Đặng Anh Việt

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

